

TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001

Số/No: 1634.2026/QTPT

Quang Ngãi, 12/06/2026



PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP THỊNH PHÁT
- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp
- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

Kí hiệu/Sign	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Ngày thí nghiệm/ Testing date	Toạ độ/ Coordinate	Nguồn gốc/Source
KT148/7/3	28/05/2026	28/05 - 12/06/2026	X: 1519682 Y: 588141	Tại ống thoát của hệ thống hấp phụ xử lý khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ phòng đặt máy móc thiết bị sản xuất và từ buồng trộn nguyên liệu sản xuất mực in, Công ty TNHH Kurz Việt Nam, Lô A9.1, KCN Becamex Bình Định thuộc KKT Nhơn Hội, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results	QCVN/ TCVN
				KT148/7/3	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP				QCVN 19:2009 (Cột B (Kp=0,8, Kv=1)) và QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi tổng (PM)	US EPA 05	mg/Nm³	50	160
2	Lưu lượng	US EPA 02	m³/h	58.208	-
3	Amoniac và các hợp chất của amoni	JIS K 0099:2020	mg/Nm³	KPH (LOD=6,2)	40
4	Toluen ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	CEN/TS 13649:2014	mg/Nm³	KPH (LOD=0,05)	750 ^(**)
5	n-Butyl axetat ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	CEN/TS 13649:2014	mg/Nm³	KPH (LOD=0,05)	950 ^(**)

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (**): so sánh theo QCVN 20:2009/BTNMT / Sign (**): Comparison QCVN 20:2009/BTNMT

Dấu ⁽ⁿ³⁰⁴⁾: được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign ⁽ⁿ³⁰⁴⁾: performed by subcontractors VIMCERTS304

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection

TRƯỞNG PHÒNG
Manager



Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu/ The result is only valid to The test sample at The sampling time

- Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản/ Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

- Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm/ After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001

BM10/EMC-QuT.17 19.08.2019 LBH05



VIMCERTS 029

Số/No: 1501.2026/QTPT

Quang Ngãi, 05/06/2026



PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP THỊNH PHÁT
- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp
- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

Kí hiệu/Sign	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Ngày thí nghiệm/ Testing date	Toạ độ/ Coordinate	Nguồn gốc/Source
KT148/7/1	28/05/2026	28/05 - 04/06/2026	X: 1519700 Y: 588055	Tại ống thoát của HTXL bụi công đoạn chà nhám màng Pet, Công ty TNHH Kurz Việt Nam, Lô A9.1, KCN Becamex Bình Định thuộc KKT Nhơn Hội, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results	QCVN/ TCVN
				KT148/7/1	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP				QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kp=0,8, Kv=1)
1	Bụi tổng (PM)	US EPA 05	mg/Nm ³	28	160
2	Lưu lượng	US EPA 02	m ³ /h	3.588	-

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP. Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to The test sample at The sampling time

- Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

- Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm. After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255) 3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001

BM10/EMC-QuT.17 19.08.2019 LBH05



VIMCERTS 029

Số/No: 1633.2026/QTPT

Quang Ngãi, 12/06/2026



PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP THỊNH PHÁT
- Loại mẫu/Type of sample : Khí thải công nghiệp
- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử

Kí hiệu/Sign	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Ngày thí nghiệm/ Testing date	Toạ độ/ Coordinate	Nguồn gốc/Source
KT148/7/2	28/05/2026	28/05 - 12/06/2026	X: 1519691 Y: 588155	Tại ống khói của hệ thống RTO xử lý khí thải (hoi dung môi) từ các máy móc thiết bị sản xuất, Công ty TNHH Kurz Việt Nam, Lô A9.1, KCN Becamex Bình Định thuộc KKT Nhơn Hội, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results	QCVN/ TCVN
				KT148/7/2	
I	KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP				QCVN 19:2009 (Cột B (Kp=0,8, Kv=1)) và QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi tổng (PM)	US EPA 05	mg/Nm³	46	160
2	Lưu lượng	US EPA 02	m³/h	75.535	-
3	Nhiệt độ	SOP-QTK3/EMC	°C	65	-
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm³	0,0	400
5	Cacbon monoxit (CO)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm³	3,0	800
6	Nitơ oxit (NOx) (tính theo NO ₂)	SOP-QTK3/EMC	mg/Nm³	3,0	680
7	Amoniác và các hợp chất của amoni	JIS K 0099:2020	mg/Nm³	KPH (LOD=6,2)	40
8	Toluen ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	CEN/TS 13649:2014	mg/Nm³	1,9	750 ^(**)
9	n-Butyl axetat ⁽ⁿ³⁰⁴⁾	CEN/TS 13649:2014	mg/Nm³	0,37	950 ^(**)

Ghi chú/Note:

Dấu "-": Không quy định / Sign "-": Not stipulate

Dấu (**): so sánh theo QCVN 20:2009/BTNMT / Sign (**): Comparison QCVN 20:2009/BTNMT

Dấu (n304): được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS304/ Sign (n304): performed by subcontractors VIMCERTS304

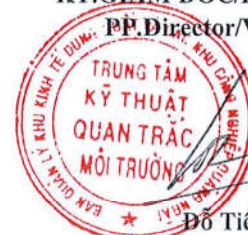
KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu/ The result is only valid to The test sample at The sampling time

- Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản/ Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

- Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm/ After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Tel: (0255) 3610704 ; Fax: (0255)3610704

Web:Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD47.004; ISO 9001

BM10/EMC-QuT.17 19.08.2019 LBH05



VIMCERTS 029

Số/No: 1496.2026/QTPT

Quang Ngãi, 05/05/2026



PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP THỊNH PHÁT
- Loại mẫu/Type of sample : Nước thải
- PP lấy mẫu/Sampling method : TCVN 5999:1995

Kí hiệu/Sign	Ngày lấy mẫu/ Sampling date	Ngày thí nghiệm/ Testing date	Toạ độ/ Coordinate	Nguồn gốc/Source
NT148/7/4	28/05/2026	28/05 - 04/06/2026	X: 1519398 Y: 588005	Tại hồ ga quan trắc trước khi đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Becamex Bình Định, Công ty TNHH Kurz Việt Nam, Lô A9.1, KCN Becamex Bình Định thuộc KKT Nhơn Hội, xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULTS

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results	Ghi chú Note
				NT148/7/4	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,8	
2	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	18	
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220D:2023	mg/l	26	
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	10,1	
5	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520C&F:2023	mg/l	KPH (LOD=1,0)	
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	10,9	
7	Tổng Nito	SMEWW 4500-N.C &4500-NO ₃ ⁻ E:2023	mg/l	20	
8	Tổng Phốt pho	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/l	2,3	
9	Coliform	SMEWW 9221B&C:2023	MPN/100ml	79	
10	Sulfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D&F:2023	mg/l	0,057	

Ghi chú/Note:

KPH: Không phát hiện / KPH: Not detected

LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP. Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu/ The result is only valid to The test sample at The sampling time

- Không được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản/ Any datas of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC by official document

- Hết thời hạn lưu mẫu, EMC không giải quyết các khiếu nại về kết quả thử nghiệm/ After storing time of the samples, EMC does not solve any complaints about this test result